

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên
Ông Phạm Minh Đức	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tư vấn đầu tư
Ông Phạm Đức Phiên	Giám đốc dịch vụ khách hàng
Ông Đinh Danh Vượng	Giám đốc nhân sự

Miễn nhiệm ngày 05/03/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Vê	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Luyện	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Số: 1162/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2014



Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.384.792.153	318.320.225.983
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	131.703.292.440	113.423.628.083
111	1. Tiền		102.103.292.440	87.423.628.083
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.600.000.000	26.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	108.993.044.656	67.559.116.433
121	1. Đầu tư ngắn hạn		117.901.522.036	75.435.887.984
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(8.908.477.380)	(7.876.771.551)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	110.054.794.261	135.344.419.467
131	1. Phải thu của khách hàng		31.953.735.380	31.564.446.223
132	2. Trả trước cho người bán		4.192.463.300	6.864.963.300
138	5. Các khoản phải thu khác		122.731.200.936	147.150.902.418
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(48.822.605.355)	(50.235.892.474)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.633.660.796	1.993.062.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.259.971.043	346.246.447
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	133.723.107	133.723.107
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.239.966.646	1.513.092.446
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.843.948.537	41.448.127.503
220	II. Tài sản cố định		9.636.543.527	20.820.601.258
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.667.253.689	5.311.064.334
222	- Nguyên giá		13.878.923.682	13.814.463.682
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.211.669.993)	(8.503.399.348)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	4.969.289.838	5.681.658.324
228	- Nguyên giá		12.342.191.080	12.342.191.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.372.901.242)	(6.660.532.756)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	9.827.878.600
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	14.407.357.600	14.407.357.600
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		28.850.406.970	28.850.406.970
258	4. Đầu tư dài hạn khác		16.021.400.000	16.021.400.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.464.449.370)	(30.464.449.370)
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.800.047.410	6.220.168.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	378.539.005	443.314.226
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	6.421.508.405	5.776.854.419
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		384.228.740.690	359.768.353.486

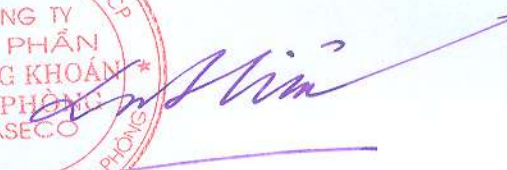
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		91.214.485.529	73.022.468.998
310	I. Nợ ngắn hạn		91.045.230.017	72.853.213.486
312	2. Phải trả người bán		5.344.500	126.344.500
313	3. Người mua trả tiền trước		145.700.000	125.700.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.045.866.726	867.126.478
315	5. Phải trả người lao động		484.671.584	1.110.173.639
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	232.446.649	251.716.879
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	87.694.913.697	69.798.779.644
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.435.175.365	572.260.850
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.111.496	1.111.496
330	II. Nợ dài hạn		169.255.512	169.255.512
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	17	169.255.512	169.255.512
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		293.014.255.161	286.745.884.488
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	293.014.255.161	286.745.884.488
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	401.306.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	71.723.672.400
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	4.352.332.126
414	4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	(14.704.390.400)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	35.850.562.479
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	4.352.332.126
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(209.866.453.570)	(216.134.824.243)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		384.228.740.690	359.768.353.486

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.007.888.800.000	1.118.361.150.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		871.203.560.000	961.729.050.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		17.778.410.000	9.897.960.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		852.348.840.000	950.754.780.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.076.310.000	1.076.310.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		116.328.280.000	119.506.600.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		116.328.280.000	119.506.600.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		20.276.580.000	30.547.580.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20.276.580.000	30.547.580.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		80.380.000	6.577.920.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	46.980.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		80.380.000	6.530.940.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		13.928.850.000	14.486.530.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		13.928.850.000	14.486.530.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		5.040.000	5.040.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		13.798.880.000	14.356.560.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		124.930.000	124.930.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		28.275.690.000	28.275.690.000


Vũ Thị Thu Huyền
Người lập

Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	20.986.699.118	22.722.339.031
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.558.217.222	5.986.908.826
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1.216.454.440	9.817.664.070
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		59.000.000	205.454.546
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		249.531.933	218.484.863
01.9	Doanh thu khác		9.903.495.523	6.493.826.726
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	20.986.699.118	22.722.339.031
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	8.282.939.105	10.268.509.996
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		12.703.760.013	12.453.829.035
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	3.107.510.740	4.991.689.618
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.596.249.273	7.462.139.417
31	8. Thu nhập khác	22	6.500.000.000	818.182
32	9. Chi phí khác	23	9.827.878.600	-
40	10. Lợi nhuận khác		(3.327.878.600)	818.182
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.268.370.673	7.462.957.599
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.268.370.673	7.462.957.599
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	158	188


Vũ Thị Thu Huyền
 Người lập


Đặng Minh Hằng
 Kế toán trưởng


Vũ Dương Hiền
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.268.370.673	7.462.957.599
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.420.639.131	1.471.092.968
03	- Các khoản dự phòng		(381.581.290)	4.524.520.625
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.921.524.163)	(5.677.226.388)
06	- Chi phí lãi vay		437.683.336	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		823.587.687	7.781.344.804
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		24.524.336.917	(21.732.924.839)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(16.615.634.052)	10.478.386.080
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.192.016.531	1.565.927.054
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(848.949.375)	(472.868.796)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(437.683.336)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.637.674.372	(2.380.135.697)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(64.460.000)	(43.356.500)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.850.000.000	818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.450.000.000)	(54.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.600.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.706.449.985	5.676.408.206
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.358.010.015)	(48.966.130.112)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		164.300.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(164.300.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.279.664.357	(51.346.265.809)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		113.423.628.083	151.695.517.885
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	131.703.292.440	100.349.252.076




Vũ Thị Thu Huyền
Người lập


Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng


Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

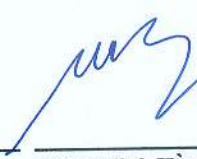
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(216.134.824.243)	6.268.370.673	-	(209.866.453.570)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	286.745.884.488	6.268.370.673	-	293.014.255.161

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		401.306.200.000	-	-	401.306.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		71.723.672.400	-	-	71.723.672.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
4. Cổ phiếu quỹ		(14.704.390.400)	-	-	(14.704.390.400)
7. Quỹ đầu tư phát triển		35.850.562.479	-	-	35.850.562.479
8. Quỹ dự phòng tài chính		4.352.332.126	-	-	4.352.332.126
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(231.412.571.926)	7.462.957.599	-	(223.949.614.327)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	271.468.136.805	7.462.957.599	-	278.931.094.404


Vũ Thị Thu Huyền
Người lập


Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng


Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 10/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 01 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 401.306.200.000 đồng; tương đương 40.130.620 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là HPC.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Nơi thành lập và hoạt động

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại Thành phố Hà Nội

Số 4, Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Cộng cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	08 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

100
3 TY
HỮU
H TQ
C
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	1.923.799	44.998.497.600
- Cổ phiếu	1.923.799	44.998.497.600
Của người đầu tư	337.006.415	3.661.923.156.500
- Cổ phiếu	337.006.035	3.661.919.484.500
- Chứng khoán khác	380	3.672.000
	338.930.214	3.706.921.654.100

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	14.360.372.318	17.566.561.462
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	87.334.408.486	69.586.279.561
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	59.181.425	69.461.977
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	349.330.211	201.325.083
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	29.600.000.000	26.000.000.000
	131.703.292.440	113.423.628.083

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại										
Chứng khoán niêm yết										
- HAG	452.200	150.000	35.451.522.036	18.835.887.984	141.914.480	2.324.267	(8.908.477.380)	(7.876.771.551)	26.684.959.136	10.961.440.700
- HAP	35.982	31.289	20.450.378.236	3.836.814.184	141.914.480	2.324.267	(572.808.216)	(540.521.251)	20.019.484.500	3.298.617.200
- CIT	301.323	3	11.066.029.000	3.250.922.000	-	-	(122.789.000)	(175.922.000)	10.943.240.000	3.075.000.000
- PVC	180.000	-	550.020.081	550.020.081	-	-	(236.976.681)	(343.512.681)	313.043.400	206.507.400
- Các cổ phiếu lẻ khác	-	-	5.405.014.130	46.130	139.329.070	11.770	-	-	5.544.343.200	57.900
Chứng khoán Upcom										
- HPP	370.243	370.143	3.401.700.000	-	-	-	(197.700.000)	-	3.204.000.000	-
- Các cổ phiếu lẻ khác	-	-	27.615.025	35.825.973	2.585.410	2.312.497	(15.342.535)	(21.086.570)	14.857.900	17.051.900
Đầu tư ngắn hạn khác										
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	15.001.143.800	14.999.073.800	-	-	(8.335.669.164)	(7.336.250.300)	6.665.474.636	7.662.823.500
	-	-	14.998.452.100	14.996.382.100	-	-	(8.334.078.100)	(7.334.422.000)	6.664.374.000	7.661.960.100
	-	-	2.691.700	2.691.700	-	-	(1.591.064)	(1.828.300)	1.100.636	863.400
	-	-	82.450.000.000	56.600.000.000	-	-	-	-	82.450.000.000	56.600.000.000
	-	-	82.450.000.000	56.600.000.000	-	-	-	-	82.450.000.000	56.600.000.000
			117.901.522.036	75.435.887.984	141.914.480	2.324.267	(8.908.477.380)	(7.876.771.551)	109.134.959.136	67.561.440.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	01/01/2014		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2014		Tổng số dự phòng đã lập	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND		Số quá hạn VND
Phải thu của khách hàng	31.564.446.223	-	443.246.220	5.564.786.905	5.175.497.748	31.953.735.380	-	443.246.220
- Phải thu hoạt động khác	31.564.446.223	-	443.246.220	5.564.786.905	5.175.497.748	31.953.735.380	-	443.246.220
Trả trước cho người bán	6.864.963.300	-	-	51.551.000	2.724.051.000	4.192.463.300	-	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa dịch vụ cho nhà cung cấp	6.864.963.300	-	-	51.551.000	2.724.051.000	4.192.463.300	-	-
Các khoản phải thu khác	147.150.902.418	-	49.792.646.254	1.089.548.229.692	1.113.967.931.174	122.731.200.936	-	48.379.359.135
- Kinh phí công đoàn	7.409.185	-	-	-	7.409.185	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	1.587.690	-	-	-	1.587.690	-	-	-
- Bảo hiểm y tế	1.058.455	-	-	-	1.058.455	-	-	-
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.252.175.000	-	1.769.175.000	-	-	19.252.175.000	-	1.769.175.000
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	17.663.214.393	-	-	939.349.940.023	945.115.120.846	11.898.033.570	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	53.002.588.554	-	47.961.471.254	-	2.206.456.119	50.796.132.435	-	46.548.184.135
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.498.436.111	-	-	1.041.388.889	3.498.436.111	1.041.388.889	-	-
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	51.150.000.000	-	-	148.543.805.562	162.683.805.562	37.010.000.000	-	-
- Phải thu khác	2.574.433.030	-	62.000.000	613.095.218	454.057.206	2.733.471.042	-	62.000.000
	185.580.311.941	-	50.235.892.474	1.095.164.567.597	1.121.867.479.922	158.877.399.616	-	48.822.605.355
								(48.822.605.355)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	50.235.892.474	51.045.433.255
Số hoàn nhập trong kỳ	(1.413.287.119)	(4.264.179)
Số dư cuối kỳ	48.822.605.355	51.041.169.076

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	133.723.107	133.723.107
	133.723.107	133.723.107

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.053.672.500	1.326.798.300
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	186.294.146	186.294.146
	1.239.966.646	1.513.092.446

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	11.628.070.578	2.038.209.512	148.183.592	13.814.463.682
Mua sắm	64.460.000			64.460.000
Tại ngày 30/06/2014	11.692.530.578	2.038.209.512	148.183.592	13.878.923.682
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	7.170.479.975	1.244.190.328	88.729.045	8.503.399.348
Trích khấu hao	602.015.139	101.910.474	4.345.032	708.270.645
Tại ngày 30/06/2014	7.772.495.114	1.346.100.802	93.074.077	9.211.669.993
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	4.457.590.603	794.019.184	59.454.547	5.311.064.334
Tại ngày 30/06/2014	3.920.035.464	692.108.710	55.109.515	4.667.253.689

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chínhKỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	2.095.274.540	10.246.916.540	12.342.191.080
Tại ngày 30/06/2014	2.095.274.540	10.246.916.540	12.342.191.080
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1.089.980.456	5.570.552.300	6.660.532.756
Trích khấu hao	159.938.156	552.430.330	712.368.486
Tại ngày 30/06/2014	1.249.918.612	6.122.982.630	7.372.901.242
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	1.005.294.084	4.676.364.240	5.681.658.324
Tại ngày 30/06/2014	845.355.928	4.123.933.910	4.969.289.838

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Ký kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

II . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán										
Chứng khoán chưa niêm yết (*)			28.850.406.970	28.850.406.970	193.171.400	193.171.400	(19.683.049.370)	(19.683.049.370)	9.360.529.000	9.360.529.000
- Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng	83.600	83.600	28.850.406.970	28.850.406.970	193.171.400	193.171.400	(19.683.049.370)	(19.683.049.370)	9.360.529.000	9.360.529.000
- Công ty CP Đức Tân Long	990.910	990.910	901.000.000	901.000.000	-	-	(399.400.000)	(399.400.000)	501.600.000	501.600.000
- Công ty CP Bao bì Bia-Rượu-Nước Giải khát	17.710	17.710	11.890.920.000	11.890.920.000	-	-	(10.404.555.000)	(10.404.555.000)	1.486.365.000	1.486.365.000
- Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản	104.641	104.641	180.642.000	180.642.000	-	-	(3.542.000)	(3.542.000)	177.100.000	177.100.000
- Công ty CP SIVICO	100.000	100.000	643.956.600	643.956.600	193.171.400	193.171.400	-	-	837.128.000	837.128.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	132.709	132.709	2.077.000.000	2.077.000.000	-	-	(1.077.000.000)	(1.077.000.000)	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty CP Dược phẩm TW3	24.000	24.000	1.881.600.000	1.881.600.000	-	-	(819.928.000)	(819.928.000)	1.061.672.000	1.061.672.000
- Công ty CP Chế tạo máy	300.000	300.000	850.000.000	850.000.000	-	-	(610.000.000)	(610.000.000)	240.000.000	240.000.000
- Công ty CP Xây dựng số 8	133.333	133.333	4.048.500.000	4.048.500.000	-	-	(1.198.500.000)	(1.198.500.000)	2.850.000.000	2.850.000.000
- Công ty CP Dệt may Đồng Á	20.000	20.000	1.906.788.370	1.906.788.370	-	-	(1.373.456.370)	(1.373.456.370)	533.332.000	533.332.000
- Công ty CP VINABOTMI	266.666	266.666	360.000.000	360.000.000	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)	140.000.000	140.000.000
- Công ty Quản lý quỹ IFM	-	-	4.110.000.000	4.110.000.000	-	-	(3.576.668.000)	(3.576.668.000)	533.332.000	533.332.000
Đầu tư dài hạn khác										
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	16.021.400.000	16.021.400.000	-	-	(10.781.400.000)	(10.781.400.000)	5.240.000.000	5.240.000.000
			44.871.806.970	44.871.806.970	193.171.400	193.171.400	(30.464.449.370)	(30.464.449.370)	14.600.529.000	14.600.529.000

(*) Giá trị trường của Chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình dựa trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi 3 Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí; Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank.

1.7
C
HAI
HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	378.539.005	443.314.226
	378.539.005	443.314.226

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.055.878.712	4.055.878.712
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.245.629.693	1.600.975.707
Số dư cuối kỳ	6.421.508.405	5.776.854.419

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	212.173.928	186.853.323
Thuế Thu nhập cá nhân	678.692.798	525.273.155
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	155.000.000	155.000.000
	1.045.866.726	867.126.478

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	72.393.112	77.049.021
Bảo hiểm xã hội	12.294.024	3.850.939
Bảo hiểm y tế	4.169.985	2.897.280
Bảo hiểm thất nghiệp	1.112.924	475.824
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.732.000	25.732.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	116.744.604	141.711.815
	232.446.649	251.716.879

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	87.683.738.697	69.787.604.644
Phải trả về đặt cọc đấu giá cổ phần	11.175.000	11.175.000
	<u>87.694.913.697</u>	<u>69.798.779.644</u>

17 . QUỸ DỰ PHÒNG BÒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	169.255.512	169.255.512
Tại ngày cuối năm	<u>169.255.512</u>	<u>169.255.512</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013								
Tại ngày 01/01/2013	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(231.412.571.926)	271.468.136.805
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.462.957.599	7.462.957.599
Tại ngày 30/06/2013	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(223.949.614.327)	278.931.094.404
6 tháng đầu năm 2014								
Tại ngày 01/01/2014	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(216.134.824.243)	286.745.884.488
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.268.370.673	6.268.370.673
Tại ngày 30/06/2014	401.306.200.000	71.723.672.400	4.352.332.126	(14.704.390.400)	35.850.562.479	4.352.332.126	(209.866.453.570)	293.014.255.161

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ (%)	01/01/2014	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty TNHH MTV Xổ số và Đầu tư Tài chính Hải Phòng	9.800.000.000	2,44%	59.124.000.000	14,73%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	26.484.400.000	6,60%	26.484.400.000	6,60%
Ông Vũ Dương Hiền	49.036.600.000	12,22%	20.568.480.000	5,13%
Các cổ đông khác	315.985.200.000	78,74%	295.129.320.000	73,54%
	401.306.200.000	100%	401.306.200.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	401.306.200.000	401.306.200.000
- Vốn góp đầu kỳ	401.306.200.000	401.306.200.000
- Vốn góp cuối kỳ	401.306.200.000	401.306.200.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.130.620	40.130.620
- Cổ phiếu phổ thông	40.130.620	40.130.620
Số lượng cổ phiếu được mua lại	437.060	437.060
- Cổ phiếu phổ thông	437.060	437.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.693.560	39.693.560
- Cổ phiếu phổ thông	39.693.560	39.693.560
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	20.986.699.118	22.722.339.031
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.558.217.222	5.986.908.826
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.216.454.440	9.817.664.070
- Doanh thu hoạt động tư vấn	59.000.000	205.454.546
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	249.531.933	218.484.863
- Doanh thu khác	9.903.495.523	6.493.826.726
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20.986.699.118	22.722.339.031

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.333.626.385	824.272.177
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	36.382.830	84.335.805
Chi phí hoạt động tư vấn	-	30.186.591
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	354.305.805	331.038.155
Chi phí dự phòng	1.031.705.829	4.528.784.804
Chi phí trực tiếp chung	5.526.918.256	4.469.892.464
	8.282.939.105	10.268.509.996

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.659.955.375	2.934.092.556
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	101.704.432	16.836.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.047.167	232.151.812
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1.413.287.119)	(4.264.179)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	692.188.220	945.272.893
Chi phí khác bằng tiền	851.902.665	862.599.765
	3.107.510.740	4.991.689.618

22 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	6.500.000.000	-
Thu nhập khác	-	818.182
	6.500.000.000	818.182

23 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	9.827.878.600	-
	9.827.878.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.268.370.673	7.462.957.599
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(160.468.452.444)	(277.431.772.538)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(345.907.240)	(650.057.650)
- Chuyển lỗ các năm trước	(160.122.545.204)	(276.781.714.888)
Tổng thu nhập tính thuế	(154.200.081.771)	(269.968.814.939)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(133.723.107)	(133.723.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(133.723.107)	(133.723.107)

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	6.268.370.673	7.462.957.599
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.268.370.673	7.462.957.599
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.693.560	39.693.560
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	158	188

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.703.292.440	-	113.423.628.083	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	154.684.936.316	(48.822.605.355)	178.715.348.641	(50.235.892.474)
Đầu tư ngắn hạn	117.901.522.036	(8.908.477.380)	75.435.887.984	(7.876.771.551)
Đầu tư dài hạn	44.871.806.970	(30.464.449.370)	44.871.806.970	(30.464.449.370)
	449.161.557.762	(88.195.532.105)	412.446.671.678	(88.577.113.395)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác

Giá trị sổ kế toán	
30/06/2014	01/01/2014
VND	VND
87.932.704.846	70.176.841.023
87.932.704.846	70.176.841.023

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.703.292.440	-	-	131.703.292.440
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	105.862.330.961	-	-	105.862.330.961
Đầu tư ngắn hạn	108.993.044.656	-	-	108.993.044.656
Đầu tư dài hạn	-	14.407.357.600	-	14.407.357.600
	346.558.668.057	14.407.357.600	-	360.966.025.657
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.423.628.083	-	-	113.423.628.083
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	128.479.456.167	-	-	128.479.456.167
Đầu tư ngắn hạn	67.559.116.433	-	-	67.559.116.433
Đầu tư dài hạn	-	14.407.357.600	-	14.407.357.600
	309.462.200.683	14.407.357.600	-	323.869.558.283

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	87.932.704.846	-	-	87.932.704.846
	<u><u>87.932.704.846</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>87.932.704.846</u></u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	70.176.841.023	-	-	70.176.841.023
	<u><u>70.176.841.023</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>70.176.841.023</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	9.558.217.222	1.216.454.440	10.212.027.456	20.986.699.118	-	20.986.699.118
Chi phí bộ phận trực tiếp	3.850.815.246	1.388.446.054	3.043.677.805	8.282.939.105	-	8.282.939.105
Chi phí không phân bổ	-	-	-	3.107.510.740	-	3.107.510.740
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.707.401.976	(171.991.614)	7.168.349.651	9.596.249.273	-	9.596.249.273
Tài sản bộ phận trực tiếp	166.514.050.071	133.492.153.568	84.222.537.051	384.228.740.690	-	384.228.740.690
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	166.514.050.071	133.492.153.568	84.222.537.051	384.228.740.690	-	384.228.740.690
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	87.694.913.697	-	-	87.694.913.697	-	87.694.913.697
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	3.519.571.832	-	3.519.571.832
Tổng nợ phải trả	87.694.913.697	-	-	91.214.485.529	-	91.214.485.529

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	13.152.554.690	4.721.744.838	3.112.399.590	20.986.699.118	-	20.986.699.118
Tài sản bộ phận	339.502.749.268	18.863.898.469	25.862.092.953	384.228.740.690	-	384.228.740.690
Nợ phải trả bộ phận	63.677.007.533	10.935.847.277	16.601.630.719	91.214.485.529	-	91.214.485.529

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	959.276.983	1.183.368.350

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



Vũ Thị Thu Huyền
Người lập



Đặng Minh Hằng
Kế toán trưởng



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

